

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 46



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây dựng giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2013)
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013)
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Số: 335 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 46. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Tổng Công ty bao gồm chi phí triển khai dự án xây dựng khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh D của Công ty Cổ phần VIMECO - công ty con của Tổng Công ty với số tiền là 24,5 tỷ VND. Ngày 21 tháng 5 năm 2012, UBND tỉnh Quảng Ninh đã có quyết định thu hồi dự án này. Hiện Công ty Cổ phần VIMECO đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh để xác định các chi phí có thể được hoàn trả liên quan đến dự án này. Trên cơ sở những bằng chứng thu thập được, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục để đánh giá giá trị có thể thu hồi của dự án nêu trên và ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư các khoản công nợ phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty bao gồm số dư phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 đã tồn đọng lâu ngày và đã quá hạn thanh toán với số tiền khoảng 86 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu nói trên cũng như không thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		14.484.739.604.739	15.368.239.345.575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
1. Tiền	110	5	662.442.491.220	906.609.557.993
2. Các khoản tương đương tiền	111		436.886.420.475	465.133.702.542
	112		225.556.070.745	441.475.855.451
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	29.160.529.666	31.780.605.077
1. Đầu tư ngắn hạn	121		31.089.723.895	32.592.230.006
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.929.194.229)	(811.624.929)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.094.499.228.253	6.366.018.013.112
1. Phải thu khách hàng	131		4.397.678.235.470	4.513.220.763.694
2. Trả trước cho người bán	132		1.089.360.135.684	1.404.371.744.148
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		563.926.179	563.926.179
4. Các khoản phải thu khác	135	7	896.717.775.504	865.186.084.397
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(289.820.844.584)	(417.324.505.306)
IV. Hàng tồn kho	140	8	6.975.988.213.844	7.249.971.318.162
1. Hàng tồn kho	141		6.999.283.835.268	7.277.700.402.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.295.621.424)	(27.729.084.455)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		722.649.141.756	813.859.851.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.997.055.081	45.187.186.330
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		145.522.525.281	107.831.410.392
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		69.662.360.292	59.562.527.497
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	456.467.201.102	601.278.727.012

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		12.783.820.777.456	13.048.606.634.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.845.528.743	25.888.785.189
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.518.786.847	1.521.406.846
2. Phải thu dài hạn khác	218		24.428.928.392	25.469.564.839
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.102.186.496)	(1.102.186.496)
II. Tài sản cố định	220		9.859.127.941.302	9.920.459.622.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.151.674.538.645	7.446.027.313.364
- Nguyên giá	222		9.978.326.267.656	10.105.314.860.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.826.651.729.011)	(2.659.287.546.752)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	48.873.576.110	51.996.004.923
- Nguyên giá	225		89.368.683.819	89.368.683.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(40.495.107.709)	(37.372.678.896)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	50.370.760.685	51.337.228.840
- Nguyên giá	228		56.484.630.477	56.740.278.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.113.869.792)	(5.403.049.337)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	2.608.209.065.862	2.371.099.075.169
III. Bất động sản đầu tư	240	14	1.084.035.022.565	1.107.707.658.226
- Nguyên giá	241		1.293.889.231.256	1.290.467.789.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(209.854.208.691)	(182.760.131.551)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.360.688.277.739	1.516.480.288.228
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	875.342.325.864	1.129.986.063.378
2. Đầu tư dài hạn khác	258		510.515.841.593	419.879.358.037
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(25.169.889.718)	(33.385.133.187)
V. Tài sản dài hạn khác	260		446.674.022.245	468.242.013.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	214.936.229.344	224.185.073.323
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		218.568.791.379	225.752.952.535
3. Tài sản dài hạn khác	268		13.169.001.522	18.303.987.394
VI. Lợi thế thương mại	269		8.449.984.863	9.828.267.115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		27.268.560.382.195	28.416.845.979.882

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		20.434.575.858.138	21.527.163.800.117
I. Nợ ngắn hạn	310		13.906.488.178.806	14.919.520.200.057
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	5.269.876.341.515	5.489.655.892.981
2. Phải trả người bán	312		2.583.242.528.383	2.786.730.959.416
3. Người mua trả tiền trước	313		2.431.657.709.181	2.942.441.845.387
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	583.846.934.533	627.832.517.626
5. Phải trả người lao động	315		188.728.145.327	263.987.503.881
6. Chi phí phải trả	316		929.753.091.285	869.132.001.117
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.876.286.171.843	1.901.388.859.348
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		777.659.138	1.249.622.089
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		42.319.597.601	37.100.998.212
II. Nợ dài hạn	330		6.528.087.679.332	6.607.643.600.060
1. Phải trả dài hạn người bán	331		82.012.512.273	88.080.691.893
2. Phải trả dài hạn khác	333		15.010.399.086	6.155.184.735
3. Vay và nợ dài hạn	334	21	5.146.069.795.603	5.306.982.930.349
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		849.873.548	380.137.829
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.747.146.978	2.537.183.475
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	20	183.413.207.399	165.545.493.268
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.091.026.100.206	1.035.003.334.272
8. Quỹ phát triển khoa học	339		2.958.644.239	2.958.644.239
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.211.185.111.926	5.202.635.927.489
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.969.090.692.350	4.898.081.597.132
1. Vốn điều lệ	411	22	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	355.104.902.000	355.104.902.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	22	7.589.720.233	7.235.290.632
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	22	7.526.194.540	6.594.056.759
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	470.118.458.935	468.252.243.589
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	106.450.098.767	102.977.519.387
7. Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	419	22	3.330.000.340	3.330.000.340
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420	22	(398.135.412.465)	(462.519.145.574)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		242.094.419.576	304.554.330.357
1. Nguồn kinh phí	432	22	242.094.419.576	304.554.330.357
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.622.799.412.131	1.687.046.252.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		27.268.560.382.195	28.416.845.979.882



Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng





Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	144.158.226.698	161.255.199.871
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	312.360.950.473	324.186.149.590
Các khoản dự phòng	03	(139.034.797.922)	15.519.116.191
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(84.034.380.538)	(42.057.156.540)
Lãi/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	52.996.718.012	(146.550.055.061)
Chi phí lãi vay	06	346.961.977.929	487.908.139.320
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	633.408.694.652	800.261.393.371
Thay đổi các khoản phải thu	09	243.221.128.945	359.859.104.572
Thay đổi hàng tồn kho	10	(38.519.255.805)	(288.085.119.342)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(330.296.256.521)	(686.049.400.270)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(18.937.972.316)	30.922.360.560
Tiền lãi vay đã trả	13	(468.949.622.497)	(577.245.552.713)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(71.806.052.068)	(124.431.521.604)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.033.394.584	31.681.986.769
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(44.918.107.423)	(366.198.395.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(84.764.048.449)	(819.285.143.946)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(118.946.566.776)	(339.543.542.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	24.274.687.889	9.882.499.961
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(7.193.493.889)	(181.053.313.483)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	838.878.999.001
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(13.334.194.853)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	32.595.224.211	93.193.748.895
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.195.312.138	151.937.272.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.074.836.427)	559.961.469.484

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU**III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.417.106.730.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.361.324.656.567	3.730.650.728.442
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.505.631.038.622)	(5.523.009.014.411)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(517.701.998)	(78.666.664)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(19.941.000)	(39.015.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(144.844.025.053)	(375.369.237.883)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(245.682.909.928)	(634.692.912.345)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	906.609.557.993	1.302.487.881.301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.515.843.155	6.230.184
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	662.442.491.220	667.801.199.140


Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 8 năm 2013


Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng**Vũ Quý Hà**
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 33 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng (*)	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex số 16	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	83,65%	77,40%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	83,35%	81,95%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	77,15%	76,74%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (*)	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng
22	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	95,26%	85,76%	Thương mại - dịch vụ
23	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	56,04%	56,04%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
24	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	52,33%	51,74%	Thương mại - dịch vụ
25	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (*)	100,00%	99,82%	Sản xuất xi măng
28	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
29	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,20%	51,10%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
30	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	96,52%	96,03%	Thương mại - dịch vụ
31	Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước	86,24%	50,81%	Thương mại - dịch vụ
32	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	59,12%	58,93%	Thương mại - dịch vụ
33	Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	49,58%	33,97%	Sản xuất và kinh doanh bao bì

(*) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Do kế hoạch và thời điểm chuyển nhượng chưa được phê duyệt nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo):

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cầu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, một số công ty con của Tổng Công ty có dấu hiệu khó khăn về khả năng thanh toán, bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 11, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước. Hiện Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu và có kế hoạch thoái vốn đầu tư tại một số Công ty con nêu trên để tập trung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo đó, tình hình tài chính của các Công ty này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng như báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Bảng cân đối kế toán của các công ty con được bán đi trong kỳ không được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2013

đến ngày 30/6/2013

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian từ 1 năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ Hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chi được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Đối với các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi kết thúc giai đoạn đầu tư, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới báo cáo tài chính của công ty mẹ - Tổng Công ty và các công ty con. Nghĩa vụ thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi tùy thuộc vào thông báo và kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	35.237.044.435	22.661.364.086
Tiền gửi ngân hàng	401.649.376.040	442.472.338.456
Các khoản tương đương tiền (i)	225.556.070.745	441.475.855.451
	<u>662.442.491.220</u>	<u>906.609.557.993</u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	11.005.551.348	10.388.215.084
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12.450.000.000	7.287.350.194
Đầu tư ngắn hạn khác	7.634.172.547	14.916.664.728
	<u>31.089.723.895</u>	<u>32.592.230.006</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.929.194.229)	(811.624.929)
	<u>29.160.529.666</u>	<u>31.780.605.077</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu các Tổ đội thi công	146.697.042.482	153.491.281.949
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình (i)	307.299.865.806	310.632.171.105
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	22.595.041.552	40.897.901.576
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.641.594.917	1.025.654.152
Phải thu khác	415.484.230.747	359.139.075.615
	<u>896.717.775.504</u>	<u>865.186.084.397</u>

(i) Phản ánh giá trị các khoản Công ty mẹ - Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình - Công ty liên kết của Tổng Công ty vay.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.615.385.533	1.101.413.253
Nguyên liệu, vật liệu	192.257.915.486	207.009.331.052
Công cụ, dụng cụ	204.128.662.187	206.058.105.083
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	6.430.842.794.986	6.676.391.124.057
Thành phẩm	150.491.189.309	170.137.649.346
Hàng hoá	5.864.688.830	5.963.909.485
Hàng gửi đi bán	11.083.198.937	11.038.870.341
	<u>6.999.283.835.268</u>	<u>7.277.700.402.617</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.295.621.424)	(27.729.084.455)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>6.975.988.213.844</u>	<u>7.249.971.318.162</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Tổng Công ty bao gồm chi phí triển khai dự án xây dựng khu đô thị Cao Xanh- Hà Khánh D của Công ty Cổ phần VIMECO - công ty con của Tổng Công ty với số tiền là 24,5 tỷ VND. Dự án đã bị thu hồi theo quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh. Công ty Cổ phần VIMECO đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh để xác định các chi phí có thể được hoàn trả liên quan đến dự án này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí này.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	52.817.303.206	133.338.085.629
Tạm ứng Tổ đội thi công	367.101.421.880	430.117.802.229
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.401.980.499	5.983.878.878
Tài sản ngắn hạn khác	33.146.495.517	31.838.960.276
	<u>456.467.201.102</u>	<u>601.278.727.012</u>

- (i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.
- (ii) Tạm ứng cho các đội thi công phản ánh số tiền các công ty con đã ứng cho các đội, nhân viên của công ty để thực hiện thi công xây dựng hoặc các công việc khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này và cho rằng không cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 30/6/2013.

ÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

à nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
hành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

I. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	4.085.788.652.126	5.024.965.066.554	820.221.230.456	174.339.910.980	10.105.314.860.116
Mua trong kỳ	12.916.756.429	2.947.514.324	1.936.255.616	2.362.113.085	7.245.883.025
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			517.586.166		13.434.342.595
Tăng khác trong kỳ	(1.913.270.964)	10.141.198.185	1.444.900.034	72.138.788	11.658.237.007
Thanh lý, nhượng bán		(52.696.222.653)	(15.814.062.635)	(1.793.252.949)	(72.216.809.201)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)		(32.062.407.805)	(14.881.370.784)	(345.541.244)	(47.289.319.833)
Tăng/(Giảm) khác trong kỳ (**)	(4.169.192.465)	(25.335.906.750)	(577.197.973)	(9.738.628.865)	(39.820.926.053)
Tại ngày 30/6/2013	4.092.622.945.126	4.927.959.241.855	792.847.340.880	164.896.739.795	9.978.326.267.656
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	650.701.378.262	1.516.305.140.861	403.770.973.095	88.510.054.534	2.659.287.546.752
Khấu hao trong kỳ	86.678.083.409	142.492.315.065	42.943.561.227	9.064.723.133	281.178.682.835
Tăng khác trong kỳ	953.933.956	4.919.692.780	96.945.530		5.970.572.266
Thanh lý	(802.073.493)	(44.434.485.911)	(12.946.192.617)	(1.668.114.293)	(59.850.866.314)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)		(22.006.279.864)	(7.497.300.645)	(345.541.243)	(29.849.121.752)
(Giảm) khác trong kỳ (**)	(1.501.464.404)	(20.769.352.805)	(229.337.404)	(7.584.930.162)	(30.085.084.776)
Tại ngày 30/6/2013	736.029.857.730	1.576.507.030.126	426.138.649.186	87.976.191.969	2.826.651.729.011
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	3.356.593.087.396	3.351.452.211.729	366.708.691.694	76.920.547.826	7.151.674.538.645
Tại ngày 31/12/2012	3.435.087.273.864	3.508.659.925.693	416.450.257.361	85.829.856.446	7.446.027.313.364

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã chấm dứt quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 11. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại thời điểm chấm dứt quyền kiểm soát được ghi giảm với số tiền lần lượt là khoảng 47,3 tỷ VND và 29,8 tỷ VND.

(**) Chủ yếu là nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình được phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT- BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 7.834 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2012: 7.767 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, tài sản là Nhà máy Xi măng Cẩm Phả thuộc quyền sở hữu và quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (công ty con của Tổng Công ty) được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Khoản vay do Tổng Công ty ký hợp đồng và có trách nhiệm trả nợ vay với Ngân hàng. Khoản vay đang được Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (Công ty con) vay lại theo thỏa thuận chuyển giao Trạm nghiên cứu và Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	2.393.958.725	8.231.380.344	78.743.344.750	89.368.683.819
Tại ngày 30/6/2013	2.393.958.725	8.231.380.344	78.743.344.750	89.368.683.819
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	1.509.844.743	4.190.098.229	31.672.735.924	37.372.678.896
Khấu hao trong kỳ	162.282.037	360.489.734	2.599.657.042	3.122.428.813
Tại ngày 30/6/2013	1.672.126.780	4.550.587.963	34.272.392.966	40.495.107.709
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	721.831.945	3.680.792.381	44.470.951.784	48.873.576.110
Tại ngày 31/12/2012	884.113.982	4.041.282.115	47.070.608.826	51.996.004.923

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	53.098.362.118	3.641.916.059	56.740.278.177
Tăng trong kỳ	-	88.000.000	88.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(174.902.900)	(174.902.900)
Giảm khác trong kỳ	-	(168.744.800)	(168.744.800)
Tại ngày 30/6/2013	53.098.362.118	3.386.268.359	56.484.630.477
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.970.746.541	2.432.302.796	5.403.049.337
Khấu hao trong kỳ	240.058.431	725.703.255	965.761.686
Thanh lý, nhượng bán	-	(156.722.349)	(156.722.349)
Giảm khác trong kỳ	-	(98.218.882)	(98.218.882)
Tại ngày 30/6/2013	3.210.804.972	2.903.064.820	6.113.869.792
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	49.887.557.146	483.203.539	50.370.760.685
Tại ngày 31/12/2012	50.127.615.577	1.209.613.263	51.337.228.840

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 52 Lạc Long Quân với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 10.705.645.009 VND (31 tháng 12 năm 2012: 10.774.276.573 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát	1.126.864.844.031	1.049.234.678.181
Công trình Trung tâm Thương mại Chợ Mơ	999.711.443.726	832.106.255.237
Công trình Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	62.486.854.616	59.674.690.181
Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà	179.828.024.471	183.286.330.705
Công trình Nhà máy Bê tông dự ứng lực Long An	470.501.891	507.851.054
Dự án Mở đường vào khu Trung Văn	61.371.382.628	61.334.610.628
Dự án khu trung tâm thương mại	7.047.265.581	7.047.265.581
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	21.939.982.614	22.021.870.288
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	73.928.790.715	73.928.790.715
Công trình mạng lưới cấp nước Sông Đà, Hà Nội	26.834.114.731	26.834.114.731
Các dự án khác	47.725.860.858	55.122.617.868
	<u>2.608.209.065.862</u>	<u>2.371.099.075.169</u>

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Nhà cửa vật kiến trúc</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà cửa và quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	1.078.310.400.958	9.627.543.200	202.529.845.619	1.290.467.789.777
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.421.441.479	-	-	3.421.441.479
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.081.731.842.437</u>	<u>9.627.543.200</u>	<u>202.529.845.619</u>	<u>1.293.889.231.256</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	140.573.427.290	2.316.613.545	39.870.090.716	182.760.131.551
Khấu hao trong kỳ	22.254.245.530	-	4.839.831.610	27.094.077.140
Tại ngày 30/6/2013	<u>162.827.672.820</u>	<u>2.316.613.545</u>	<u>44.709.922.326</u>	<u>209.854.208.691</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	<u>918.904.169.617</u>	<u>7.310.929.655</u>	<u>157.819.923.294</u>	<u>1.084.035.022.566</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>937.736.973.668</u>	<u>7.310.929.655</u>	<u>162.659.754.903</u>	<u>1.107.707.658.226</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, bất động sản đầu tư có nguyên giá là khoảng 350.728 triệu VND (31 tháng 12 năm 2012: 381.428 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng Công ty chưa thuê công ty định giá độc lập để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động chính
Góp vốn liên doanh					
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	Hà Nội	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty TNHH VINA SANWA	Hà Nội	40,00%	40,00%	Sản xuất công nghiệp
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	32,30%	29,20%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	46,63%	Thương mại - dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVICO	Hà Nội	23,69%	23,69%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ
4	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i)	Hà Nội	39,00%	36,27%	Tài chính - ngân hàng
5	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	Hà Nội	37,72%	24,31%	Sản xuất công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	31,64%	28,98%	Sản xuất xi măng
7	Công ty Cổ phần Vinaconex số 6	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản	Hà Nội	36,00%	36,00%	Thương mại - dịch vụ
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (ii)	Hà Nội	42,00%	36,29%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp

(i) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(ii) Tại ngày 30/6/2013, Tổng Công ty chỉ nắm giữ 36,29% tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (VC 11) và không còn nắm giữ quyền kiểm soát thông qua chi phối các chính sách tài chính của VC 11, theo đó VC 11 trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ	60.912.614.447	63.697.105.536
Chi phí trả trước về thuê tài sản	8.676.770.773	18.790.030.192
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	30.794.268.696	30.351.151.036
Khác	114.552.575.428	111.346.786.559
	214.936.229.344	224.185.073.323

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.988.955.397.267	3.928.203.783.081
- Vay tại Công ty mẹ	743.972.681.377	460.587.198.586
- Vay tại các công ty con	3.244.982.715.890	3.467.616.584.495
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.280.920.944.248	1.561.452.109.900
- Vay tại Công ty mẹ	554.917.386.704	632.789.055.341
- Vay tại các công ty con	726.003.557.544	928.663.054.559
	5.269.876.341.515	5.489.655.892.981

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	3.792.244.698.616	3.747.725.364.723
Vay ngắn hạn cá nhân	196.710.698.651	180.478.418.358
Vay dài hạn đến hạn trả	1.280.920.944.248	1.561.452.109.900
	5.269.876.341.515	5.489.655.892.981

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong kỳ từ 0%/năm đến 18%/năm (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012: từ 5%/năm đến 14%/năm).

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	234.254.692.278	231.344.425.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.820.462.891	124.171.476.181
Thuế thu nhập cá nhân	22.508.327.762	20.214.450.748
Thuế tài nguyên	1.989.289.107	2.007.798.274
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	229.658.616.112	222.970.855.409
Các loại thuế khác	24.615.546.383	27.123.511.596
	583.846.934.533	627.832.517.626

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương	500.000.000.000	500.000.000.000
Thăng Long tiền đất dự án HH (i)		
Phải trả chi phí thi công công trình	562.516.127.470	543.878.477.640
Kinh phí bảo trì các tòa nhà chung cư (ii)	157.545.060.344	129.801.220.103
Phải trả lãi tiền vay	25.897.169.163	9.074.191.637
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	50.379.198.210	33.095.630.233
Đặt cọc	8.755.117.250	21.374.244.039
Cổ tức phải trả	42.202.609.713	30.828.757.852
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	528.990.889.693	633.336.337.844
	1.876.286.171.843	1.901.388.859.348

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

- (i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH - Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.
- (ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu bao gồm dự phòng bảo hành cho dự án N05, Tổng Công ty trích lập 4,5% dựa trên doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản lũy kế đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	6.379.027.968.486	6.820.314.935.540
- Vay tại Công ty mẹ	3.234.392.280.778	4.300.873.473.093
- Vay tại các công ty con	3.144.635.687.708	2.519.441.462.447
Trái phiếu phát hành	47.962.771.365	48.120.104.709
- Tại Công ty mẹ	-	-
- Tại các công ty con	47.962.771.365	48.120.104.709
	<u>6.426.990.739.851</u>	<u>6.868.435.040.249</u>
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	(1.280.920.944.248)	(1.561.452.109.900)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.146.069.795.603</u>	<u>5.306.982.930.349</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	841.652.334.689	1.061.213.813.303
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	8.471.919.615	16.690.809.392
- Ngân hàng BNP Paribas	239.198.206.649	253.751.231.384
- Ngân hàng BNP Paribas	719.418.220.849	766.049.770.048
- Ngân hàng Natexis	144.107.170.601	156.150.661.028
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	196.372.389.946	221.074.140.528
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	1.080.139.486.570	1.130.658.353.570
- Ngân hàng Hợp tác Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JBIC)	559.949.938.563	695.284.693.840
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	344.541.500.000	365.594.570.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	134.576.250.000	140.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	166.614.686.024	154.811.401.390
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	185.433.376.450	216.923.858.800
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	580.249.937.570	464.999.247.566
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	261.852.451.680	143.439.399.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex- Viettel	26.490.482.350	27.115.482.350
- Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng, tổ chức khác	937.922.388.295	1.054.677.608.050
Cộng	6.426.990.739.851	6.868.435.040.249

(i) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam) có hạn mức tối đa là 1.830 tỷ VND và chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 13,94%/năm (năm 2012: từ 10,5%/năm đến 13,94%/năm). Khoản vay này được bảo đảm bằng các động sản và bất động sản của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với giá trị tạm tính là 4.375 tỷ VND và đất và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Láng Hạ, Hà Nội.

(ii) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Tổng Công ty ký các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris vào ngày 21 tháng 10 năm 2004 và ngày 28 tháng 3 năm 2005 với tổng giá trị các khoản vay là 60.858.000 EUR. Khoản vay này chịu lãi suất là EURIBOR công (+) 0,325%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 01 năm 2007 và 30 tháng 6 năm 2008. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảng lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR công (+) 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- (v) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bởi lãnh đạo của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất cố định là 2,05%/năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 08 tháng 9 năm 2008.
- (vii) Ngày 06 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HĐKT-NHPT. Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 493.506.000.000 VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,6%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn I Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Hà Nội - Hà Đông.
- (viii) Ngày 05 tháng 8 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHĐTD của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2005/HĐTD-DH ngày 26 tháng 10 năm 2005 (được ký trước đây giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Tổng Công ty). Theo đó, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex nhận lại từ Tổng Công ty một phần dư nợ trị giá là 196.000.000.000 VND với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng công ty 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn I Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ix) Ngày 12 tháng 5 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng dài hạn 1200-LAV-201100624 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND. Hợp đồng hạn mức tín dụng có thời hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 19 tháng 5 năm 2011. Ngày 19 tháng 11 năm 2012, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1200LAV20091205/PL02. Theo Phụ lục này, kế hoạch trả gốc là 6 tháng 1 lần, thời gian ân hạn là 36 tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20 tháng 11 năm 2014). Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng (+) ba phần trăm một năm (3%/năm). Ngày 20 tháng 5 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex nhận được Thông báo số 1075/SG-TD theo đó điều chỉnh mức lãi suất tiền vay bằng VND áp dụng từ ngày 20 tháng 5 năm 2013 đến hết ngày 19 tháng 8 năm 2013 đối với toàn bộ số dư của Hợp đồng tín dụng số 1200LAV20091205 là 11,5%/năm và Thông báo số 1080A/SGD-TD về điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi là ngày 20 tháng 11 năm 2013. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Khu đô thị Du lịch Cái Giã - Cát Bà (cho dù tài sản đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thế chấp tài sản hình thành từ Dự án).

(x) Ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay trung hạn với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank - nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel); trong đó Habubank là ngân hàng đầu mối, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay của Habubank và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 12 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3%/năm và được thanh toán vào ngày 23 tháng cuối cùng mỗi quý. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

(xi) Ngày 12 tháng 7 năm 2013, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), Chi nhánh Ba Đình đã gửi Công văn số 268/CV-SHB về việc cơ cấu khoản vay tài trợ dự án Kim Văn - Kim Lũ, theo đó ngân hàng SHB - Chi nhánh Ba Đình đã tiến hành xem xét và trình Tổng Giám đốc Ngân hàng và phương án cơ cấu nợ theo đề xuất của Công ty Cổ phần Xây dựng số 2, tuy nhiên đến thời điểm này ngân hàng và Công ty chưa nhận được Thông báo phê duyệt chính thức từ Hội sở chính. Trong thời gian chờ quyết định chính thức, ngân hàng chấp thuận cho Công ty thu xếp nguồn và chuyển tiền thanh toán cho khoản vay theo đúng đề nghị cơ cấu của Công ty. Theo phương án cơ cấu nợ đề xuất, khoản vay đến hạn trả trong 1 năm tới (từ ngày 01/7/2013 đến ngày 30/6/2014) sẽ giảm từ 151 tỷ VND xuống còn 15 tỷ VND.

(xii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn và phụ lục với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 923 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Ngòi Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (≡) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bình quân bằng VND của Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai - 3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam). Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- a. Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay;
- b. Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và toàn bộ bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại Dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 theo hợp đồng thế chấp.

12/06/2013 10:30:00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (xii) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) ký hợp đồng vay dài hạn và phụ lục với Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437.745 triệu VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

ở nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
hành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

2. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn có phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Nguồn kinh phí		Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND							VND	VND	
Ngày 01/01/2012	3.000.000.000.000	355.104.902.000	1.297.462.272	(220.158.684.188)	483.020.790.936	99.410.687.709	3.078.751.096	394.054.608.143	(508.422.110.853)		
Trong năm	1.417.106.730.000	-	-	226.757.891.096	-	-	-	3.210.000.000	-	87.386.154.594	(33.411.593.906)
Trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trong năm	-	-	-	-	-	1.009.718.756	5.236.078.100	97.587.960	-	(6.343.384.816)	(20.202.332.254)
Trong năm	-	-	-	-	-	60.025.980	-	-	-	-	-
Trong năm	-	-	-	-	-	(9.467.347.679)	(1.471.148.037)	-	-	(4.654.503.229)	23.732.089.022
Trong năm	-	-	4.287.843.243	(4.287.843.243)	-	-	-	-	-	-	-
Trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(92.710.277.786)	-	-	-
Trong năm	-	-	1.649.985.117	(5.150.149)	(2.083.101.161)	(198.098.385)	153.661.284	-	-	(603.464.132)	
Ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.235.290.632	6.594.056.759	468.252.243.589	102.977.519.387	3.330.000.340	304.554.330.357	(462.519.145.574)		
Trong kỳ	-	-	-	2.142.351.015	-	-	-	6.480.787.639	-	-	-
Trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	96.694.912.398	(26.446.891.886)
Trong kỳ	-	-	-	-	8.162.540.108	4.903.840.390	-	-	-	(26.446.891.886)	6.566.553.660
Trong kỳ	-	-	-	(5.776.237.660)	(790.316.000)	-	-	-	-	-	-
Trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(68.940.698.420)	-	-	-
Trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.532.466.013)	
Trong kỳ	-	-	354.429.601	(1.210.213.234)	(520.087.102)	(640.945.010)	-	-	-	(5.898.375.050)	
Ngày 30/6/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	7.589.720.233	7.526.194.540	470.118.458.935	106.450.098.767	3.330.000.340	242.094.419.576	(398.135.412.465)		

Chi phí phát sinh về giải phóng mặt bằng huyện Thạch Thất đã được quyết toán với ngân sách Nhà nước trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:**

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013		Năm 2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	441.710.673	4.417.106.730.000	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	141.710.673	1.417.106.730.000
Số dư cuối kỳ	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

ở nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

3. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong 4 lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp, dịch vụ thương mại, và đầu tư tài chính. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	20.058.231.500.048	10.773.469.620.602	2.366.772.548.910	2.864.798.722.890	(8.794.712.010.255)	27.268.560.382.195
Tổng tài sản hợp nhất	20.058.231.500.048	10.773.469.620.602	2.366.772.548.910	2.864.798.722.890	(8.794.712.010.255)	27.268.560.382.195
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	15.860.640.792.339	9.367.140.532.508	1.762.898.964.975	-	(6.556.104.431.684)	20.434.575.858.138
Tổng nợ phải trả hợp nhất	15.860.640.792.339	9.367.140.532.508	1.762.898.964.975	-	(6.556.104.431.684)	20.434.575.858.138

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	22.251.710.559.332	10.859.730.418.578	1.362.952.921.975	2.848.405.280.165	(8.905.953.200.168)	28.416.845.979.882
Tổng tài sản hợp nhất	22.251.710.559.332	10.859.730.418.578	1.362.952.921.975	2.848.405.280.165	(8.905.953.200.168)	28.416.845.979.882
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	17.557.132.748.380	9.534.030.703.137	1.060.799.648.739	-	(6.624.799.300.139)	21.527.163.800.117
Tổng nợ phải trả hợp nhất	17.557.132.748.380	9.534.030.703.137	1.060.799.648.739	-	(6.624.799.300.139)	21.527.163.800.117

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013
Báo cáo tài chính hợp nhất

MÃ SỐ B 09-DN/HN

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mục thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	4.687.378.298.256	1.932.330.193.865	101.865.154.135	-	(999.049.195.163)	5.722.524.451.093
Doanh thu hoạt động tài chính	23.537.672.019	120.982.346.132	514.873.809	310.594.460.342	(275.671.069.406)	179.958.282.896
Chi phí sản xuất kinh doanh	4.667.492.977.681	2.106.721.461.245	141.461.916.080	240.821.028.202	(1.501.142.256.477)	5.655.355.126.731
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	43.422.992.594	(53.408.921.248)	(39.081.888.136)	69.773.432.140	226.421.991.908	247.127.607.258
Đã trong công ty liên kết, liên doanh hoặc đơn vị khác	14.802.688.017	(2.417.413.764)	223.663.313	(115.578.318.126)	-	(115.578.318.126)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	122.392.587.032	129.521.244.712	(359.629.516)	(25.132.210.320)	-	12.608.937.566
ỢI NHUẬN/(LỖ) TRƯỚC THUẾ	180.618.267.643	73.694.909.700	(39.217.854.339)	(70.937.096.306)	-	144.158.226.698

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	4.973.668.315.802	1.805.055.742.266	94.991.002.236	-	(1.436.234.265.597)	5.437.480.794.707
Doanh thu hoạt động tài chính	347.801.278.190	18.895.965.162	3.684.298.430	163.724.782.165	(316.574.997.183)	217.531.326.764
Chi phí sản xuất kinh doanh	5.139.793.225.437	1.934.287.839.008	117.558.395.995	1.016.353.071.580	(2.687.649.961.707)	5.520.342.570.313
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	181.676.368.555	(110.336.131.580)	(18.883.095.329)	(852.628.289.415)	934.840.698.927	134.669.551.158
Đã trong công ty liên kết, liên doanh hoặc đơn vị khác	5.537.708.739	4.935.768.702	1.674.576.240	-	14.437.595.032	14.437.595.032
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	5.056.637.398	34.870.800.218	-	909.350.856.343	-	12.148.053.681
ỢI NHUẬN/(LỖ) TRƯỚC THUẾ	192.270.714.692	(70.529.562.660)	(17.208.519.089)	56.722.566.928	949.278.293.959	161.255.199.871

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	3.272.101.184.808	2.827.643.513.347
Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.466.824.406.063	1.303.467.586.915
Doanh thu kinh doanh bất động sản	573.127.013.153	822.430.598.294
Doanh thu cung cấp dịch vụ	265.815.889.597	180.185.616.283
Doanh thu khác	184.710.731.397	345.692.143.544
	5.762.579.225.018	5.479.419.458.383
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	37.924.379.465	38.478.279.875
Giảm giá hàng bán	522.830.609	2.436.816.547
Hàng bán bị trả lại	1.607.563.851	1.023.567.254
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.722.524.451.093	5.437.480.794.707

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	2.992.942.026.008	2.534.439.487.209
Giá vốn sản xuất công nghiệp	1.153.892.099.350	954.367.114.034
Giá vốn kinh doanh bất động sản	495.919.962.650	626.136.729.034
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	201.981.728.916	121.911.880.298
Giá vốn hàng bán khác	155.456.425.351	257.388.640.584
	5.000.192.242.275	4.494.243.851.159

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.040.681.385.762	2.986.972.414.090
Chi phí nhân công	702.916.438.593	940.725.147.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.360.950.473	324.186.149.590
Chi phí dự phòng	9.062.876.247	15.519.116.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	2.229.224.552.147	1.587.014.784.439
	5.294.246.203.222	5.854.417.611.440

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.514.419.895	112.090.441.923
Lãi chênh lệch tỷ giá	132.102.019.313	36.234.794.872
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.383.616.212	8.982.656.500
Lãi bán chứng khoán	-	579.456.000
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	7.610.356.772	41.470.169.050
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.347.870.704	18.173.808.419
	179.958.282.896	217.531.326.764

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	346.961.977.929	487.908.139.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá	48.067.638.775	58.430.389.257
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(8.215.243.469)	4.016.455.513
Chi phí tài chính khác	18.116.249.837	13.914.469.578
	404.930.623.072	564.269.453.668

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	27.109.459.969	9.673.174.001
Các khoản thu nhập khác	14.286.263.123	14.498.544.175
Thu nhập khác	41.395.723.092	24.171.718.176
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	12.365.942.887	2.949.481.782
Các khoản chi phí khác	16.420.842.639	9.074.182.713
Chi phí khác	28.786.785.526	12.023.664.495
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	12.608.937.566	12.148.053.681

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ trong kỳ là 96.694.912.398 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012: 96.260.150.031 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012: 386.427.938), được thực hiện như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	118.220.112.387	101.818.509.933
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ (VND)	96.694.912.398	96.260.150.031
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	441.710.673	386.427.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	219	249

31. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc “Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tăng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.

- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Vinaconex và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Vinaconex đang là doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, khoản 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư, do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, thì tại thời điểm đó Vinaconex đã là Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	10.415.946.137.118	10.796.638.823.330
Trừ: Tiền và khoản tương đương tiền	662.442.491.220	906.609.557.993
Nợ thuần	9.753.503.645.898	9.890.029.265.337
Vốn chủ sở hữu	5.211.185.111.926	5.202.635.927.489
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,87</u>	<u>1,90</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	662.442.491.220	906.609.557.993
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.029.984.621.312	4.987.535.054.153
Đầu tư ngắn hạn	29.160.529.666	31.780.605.077
Đầu tư dài hạn	485.345.951.875	386.494.224.850
Tổng cộng	6.206.933.594.073	6.312.419.442.073
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	10.415.946.137.118	10.796.638.823.330
Phải trả người bán và phải trả khác	4.396.551.611.585	4.662.355.695.392
Chi phí phải trả	929.753.091.285	869.132.001.117
Tổng cộng	15.742.250.839.988	16.328.126.519.839

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	832.812.027.212	218.298.381.515	194.310.488.260	67.853.802.541
Euro (EUR)	1.349.657.432.247	1.130.004.332.036	1.125.640.933.428	58.460.173
Yên Nhật (JPY)	864.889.919.773	984.988.371.840	763.080.179.773	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
	đến ngày 30/6/2013	đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(63.850.153.895)	(15.044.457.897)
Euro (EUR)	(22.401.649.882)	(112.994.587.186)
Yên Nhật (JPY)	(10.180.974.000)	(98.498.837.184)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 sẽ (giảm)/tăng như sau:

Độ nhạy lãi suất

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013		
VND	+200	(186.305.126.788)
VND	-200	186.305.126.788
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012		
VND	+200	(207.277.394.506)
VND	-200	207.277.394.506

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đã đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền khoảng 27,1 tỷ VND.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện xem xét đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi với số tiền khoảng 291 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	662.442.491.220	-	662.442.491.220
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.005.139.092.569	24.845.528.743	5.029.984.621.312
Đầu tư ngắn hạn	29.160.529.666	-	29.160.529.666
Đầu tư dài hạn	-	485.345.951.875	485.345.951.875
	5.696.742.113.455	510.191.480.618	6.206.933.594.073
Các khoản vay	5.269.876.341.515	5.146.069.795.603	10.415.946.137.118
Phải trả người bán và phải trả khác	4.299.528.700.226	97.022.911.359	4.396.551.611.585
Chi phí phải trả	929.753.091.285	-	929.753.091.285
	10.499.158.133.026	5.243.092.706.962	15.742.250.839.988
Chênh lệch thanh khoản thuần	(4.802.416.019.571)	(4.732.901.226.344)	(9.535.317.245.915)
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	906.609.557.993	-	906.609.557.993
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.961.646.268.964	25.888.785.189	4.987.535.054.153
Đầu tư ngắn hạn	31.780.605.077	-	31.780.605.077
Đầu tư dài hạn	-	386.494.224.850	386.494.224.850
	5.900.036.432.034	412.383.010.039	6.312.419.442.073
Các khoản vay	5.489.655.892.981	5.306.982.930.349	10.796.638.823.330
Phải trả người bán và phải trả khác	4.568.119.818.764	94.235.876.628	4.662.355.695.392
Chi phí phải trả	869.132.001.117	-	869.132.001.117
Tổng cộng	10.926.907.712.862	5.401.218.806.977	16.328.126.519.839
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.026.871.280.828)	(4.988.835.796.938)	(10.015.707.077.766)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng ở mức kiểm soát được. Một số công ty con của Tổng Công ty có dấu hiệu khó khăn về khả năng thanh toán, bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước. Để đảm bảo khả năng thanh toán, Ban lãnh đạo Tổng Công ty và các công ty con đã có phương án cơ cấu lại khoản vay, kế hoạch thu tiền từ các hợp đồng đã ký kết với khách hàng, theo đó Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có đủ nguồn vốn lưu động để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

